

Số: 178 /QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 29 tháng 01 năm 2016

## QUYẾT ĐỊNH

**Công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa lĩnh vực Dân tộc áp dụng chung tại Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Cà Mau**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 660/QĐ-UBND ngày 27/11/2015 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ủy ban Dân tộc;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Dân tộc tỉnh tại Tờ trình số 77/TTr-BDT ngày 23/12/2015,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này 03 thủ tục hành chính mới ban hành đã được chuẩn hóa và 04 thủ tục hành chính bị bãi bỏ, hủy bỏ lĩnh vực Dân tộc áp dụng chung tại Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1808/QĐ-UBND ngày 02/12/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng Ban Dân tộc tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Cục Kiểm soát TTHC, Bộ Tư pháp;
- Cục Công tác phía Nam thuộc Bộ Tư pháp;
- Cổng Thông tin điện tử;
- Trung tâm Công báo - Tin học Cà Mau;
- NC (N25);
- Lưu: VT, Mi61/01.

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Hồng Quân

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC CHUẨN HÓA LĨNH VỰC DÂN TỘC  
ÁP DỤNG CHUNG TẠI ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ  
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 178 /QĐ-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2016  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)*



**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành đã được chuẩn hóa**

STT	Tên thủ tục hành chính
01	Phê duyệt đối tượng vay vốn phát triển sản xuất đối với hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn giai đoạn 2012 - 2015
02	Hỗ trợ giải quyết đất ở cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2013 - 2015
03	Cho vay vốn để chuộc lại đất sản xuất đã chuyển nhượng, thế chấp đối với đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2013 - 2015

**2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ, hủy bỏ**

STT	Số hồ sơ TTTC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ, hủy bỏ thủ tục hành chính
1	T-CMU-271431-TT	Thủ tục hỗ trợ giải quyết đất ở cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2013 - 2015	- Quyết định số 29/2013/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành một số chính sách hỗ trợ giải quyết đất ở và giải quyết việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2013 - 2015;
2	T-CMU-271435-TT	Thủ tục cho vay vốn để chuộc lại đất sản xuất đã chuyển nhượng, thế chấp đối với đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2013 - 2015	- Thông tư số 03/2013/TT-UBND ngày 28/10/2013 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 29/2013/QĐ-TTg ngày 28/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

3	T-CMU-271436-TT	Phê duyệt đối tượng vay vốn phát triển sản xuất đối với hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn giai đoạn 2012 - 2015	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định số 54/2012/QĐ-TTg ngày 04/2/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chính sách cho vay vốn phát triển sản xuất đối với hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn đoạn 2012 - 2015;</li> <li>- Thông tư số 02/2013/TT-UBDT ngày 24/6/2013 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 54/QĐ-TTg ngày 04/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ.</li> </ul>
4	T-CMU-271439-TT	Bình chọn, xét công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định số 18/2011/QĐ-TTg ngày 18/3/2011 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số;</li> <li>- Quyết định số 56/2013/QĐ-TTg ngày 07/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 18/2011/QĐ-TTg;</li> <li>- Thông tư liên tịch số 01/2014/TTLT-UBDT-BTC ngày 10/01/2014 của liên Bộ: Ủy ban Dân tộc - Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số.</li> </ul>

## PHẦN II

### NỘI DUNG CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC CHUẨN HÓA

#### **1. Thủ tục: Phê duyệt đối tượng vay vốn phát triển sản xuất đối với hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn giai đoạn 2012 - 2015**

##### **1.1. Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Hàng năm, ngay sau khi có kết quả phê duyệt danh sách hộ nghèo, Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo các ấp tổ chức cho hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn đăng ký vay vốn. Các hộ thuộc đối tượng thực hiện đăng ký vay vốn tại ấp kèm theo phương án sử dụng vốn. Thời gian hoàn thành: Trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Bước 2: Trưởng ấp tập hợp danh sách vay vốn; chủ trì, phối hợp với đại diện các tổ chức chính trị - xã hội tại ấp, có sự tham gia của đại diện một số hộ gia đình trong danh sách tổ chức họp bình xét, phân loại các hộ thuộc đối tượng được vay vốn, ưu tiên những hộ khó khăn hơn và những hộ chưa được vay theo Quyết định số 32/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc cho vay vốn phát triển sản xuất đối với hộ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn (sau đây gọi tắt là Quyết định số 32/2007/QĐ-TTg) được vay vốn trước. Việc họp bình xét được lập thành biên bản, có chữ ký xác nhận của Trưởng ấp, đại diện hộ gia đình và các tổ chức chính trị - xã hội tại ấp. Thời gian hoàn thành: Trong 02 ngày làm việc, kể từ ngày các hộ đăng ký vay vốn.

Bước 3: Trưởng ấp lập danh sách hộ đề nghị được vay vốn theo thứ tự ưu tiên đã họp bình xét, kèm theo Biên bản họp bình xét gửi Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận. Thời gian hoàn thành: Trong 01 ngày làm việc, kể từ ngày họp bình xét.

Bước 4: Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, tổng hợp, xác nhận danh sách các hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn đề nghị được vay vốn theo thứ tự ưu tiên của xã, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt. Thời gian hoàn thành: Trong 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của các ấp.

Bước 5: Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, ra quyết định phê duyệt danh sách hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn được vay vốn theo thứ tự ưu tiên; chuyển danh sách sang Ngân hàng Chính sách xã hội để tiến hành cho vay theo đúng thứ tự ưu tiên tại danh sách và tuân thủ quy trình, thủ tục do Ngân hàng Chính sách xã hội quy định. Đồng thời gửi danh sách đã phê duyệt cho Ủy ban nhân dân cấp xã để thông báo tới các hộ được xét cho vay vốn. Thời gian xem xét phê duyệt là 12 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của các xã, phường, thị trấn.

Các hộ có trong danh sách đã được phê duyệt liên hệ trực tiếp với tổ tiết kiệm và vay vốn tại ấp nơi cư trú để làm thủ tục vay vốn.

**1.2. Cách thức thực hiện:** Qua bưu điện hoặc trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính.



### **1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ bao gồm:

+ Phương án sử dụng vốn do hộ gia đình lập, có chữ ký hoặc điểm chỉ của chủ hộ.

+ Biên bản họp ấp có chữ ký xác nhận của Trưởng ấp, đại diện hộ gia đình và các tổ chức chính trị - xã hội tại ấp.

+ Danh sách hộ đề nghị được vay vốn do Trưởng ấp lập kèm theo Biên bản họp bình xét gửi Ủy ban nhân dân xã xác nhận.

+ Bảng tổng hợp xác nhận danh sách các hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn đề nghị được vay vốn theo thứ tự ưu tiên của xã, phường, thị trấn trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

- Số lượng bộ hồ sơ: 01 (một) bộ.

**1.4. Thời hạn giải quyết:** 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Cơ quan phối hợp: Không.

**1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Quyết định phê duyệt danh sách hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn được vay vốn theo thứ tự ưu tiên.

**1.8. Lệ phí:** Không.

**1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

**1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Hộ dân tộc thiểu số thuộc đối tượng được vay vốn theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 02/2013/TT-UBND ngày 24/6/2013 của Ủy ban Dân tộc phải có các tiêu chí sau:

- Cư trú hợp pháp, ổn định ở các xã, phường, thị trấn thuộc vùng khó khăn quy định tại Quyết định số 30/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007, Quyết định số 929/QĐ-TTg ngày 30/6/2009, Quyết định số 1010/QĐ-TTg ngày 01/8/2012 của Thủ tướng Chính phủ và các Quyết định bổ sung danh mục các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn của Thủ tướng Chính phủ; trường hợp không xác định được nơi cư trú của hộ thì nơi cư trú của hộ là nơi hộ đang sinh sống và có xác nhận của công an xã, phường, thị trấn.

- Là hộ nghèo theo chuẩn hộ nghèo quy định tại Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011 - 2015, có mức thu nhập bình quân từ 200.000đồng/người/tháng trở xuống đối với khu vực nông thôn và từ 250.000đồng/người/tháng trở xuống đối với khu vực thành thị. Đối với các địa phương tự cân đối được ngân sách mà có quy định riêng về chuẩn nghèo ở mức cao hơn, thì áp dụng tiêu chí hộ có mức thu nhập bình quân đầu người hàng tháng từ 50% trở xuống theo chuẩn nghèo của địa phương đó quy định.

- Có phương án sử dụng vốn vay do chủ hộ lập, có chữ ký (hoặc điểm chỉ) của chủ hộ; trường hợp những hộ không tự lập được phương án thì một trong các tổ chức chính trị - xã hội của ấp hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm hướng dẫn, cùng với hộ để lập phương án.

Việc xét duyệt đối tượng vay vốn được tiến hành theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 02/2013/TT-UBND ngày 24/6/2013, đảm bảo công khai, dân chủ, đúng đối tượng.

#### **1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Quyết định số 54/2012/QĐ-TTg ngày 04/2/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chính sách cho vay vốn phát triển sản xuất đối với hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn đoạn 2012 - 2015.

- Thông tư số 02/2013/TT-UBND ngày 24/6/2013 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 54/QĐ-TTg ngày 04/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

## **2. Thủ tục hỗ trợ giải quyết đất ở cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2013 - 2015**

### **2.1. Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Trưởng ấp tổ chức họp mời đại diện tất cả các hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo của ấp có trong danh sách hộ nghèo của xã, thông báo về nội dung chính sách và chỉ đạo của xã trong thời gian 02 ngày làm việc từ ngày nhận được chỉ đạo của xã.

Các hộ không có đất ở đăng ký với Trưởng ấp nhu cầu hưởng chính sách hỗ trợ; Trưởng ấp lập danh sách các hộ đăng ký. Thời gian hoàn thành trong 03 ngày làm việc kể từ ngày ấp tổ chức họp thông báo về nội dung chính sách và chỉ đạo của xã.

Bước 2: Trưởng ấp phối hợp với đại diện các tổ chức chính trị - xã hội ấp, cán bộ địa chính xã kiểm tra thực trạng đất ở của các hộ đăng ký, lập biên bản kiểm tra và tổ chức họp bình xét. Trưởng ấp cử người ghi biên bản họp, có chữ ký xác nhận của Trưởng ấp, của đại diện các tổ chức chính trị - xã hội ấp, kèm theo danh sách hộ đã được bình xét theo thứ tự ưu tiên; lập tài liệu (gồm biên bản họp bình xét và danh sách) gửi Ủy ban nhân dân cấp xã. Thời gian hoàn thành trong 10 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn đăng ký.

Bước 3: Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra, tổng hợp tài liệu của các ấp và đối chiếu với các tiêu chí về đối tượng thụ hưởng quy định tại Điều 2 Thông tư 03/2013/TT-UBDT ngày 28/10/2013 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc, lập danh sách theo thứ tự ưu tiên tại xã có xác nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã; lập 02 bộ tài liệu (gồm văn bản đề nghị kèm theo danh sách) gửi 01 bộ cho Phòng Dân tộc huyện và 01 bộ niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã. Thời gian hoàn thành trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ tài liệu hợp lệ của các ấp.

Bước 4: Phòng Dân tộc cấp huyện rà soát, tổng hợp hồ sơ của các xã, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định phê duyệt danh sách đối tượng thụ hưởng chính sách hỗ trợ giải quyết đất ở theo thứ tự ưu tiên trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của các xã.

**2.2. Cách thức thực hiện:** Qua bưu điện hoặc trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính.

### **2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ bao gồm:
  - + Văn bản đề nghị phê duyệt danh sách đối tượng thụ hưởng chính sách;
  - + Bảng tổng hợp danh sách đối tượng thụ hưởng chính sách do cơ quan công tác dân tộc cấp huyện lập.
- Số lượng bộ hồ sơ: 01(một) bộ.

**2.4. Thời hạn giải quyết:** 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**2.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã.
- Cơ quan phối hợp: Không.

**2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Quyết định phê duyệt danh sách đối tượng thụ hưởng chính sách hỗ trợ giải quyết đất ở theo thứ tự ưu tiên.

**2.8. Lệ phí:** Không.

**2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

**2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo (kể cả vợ hoặc chồng là người dân tộc thiểu số), đời sống khó khăn, được xác định theo tiêu chí quy định tại Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011 - 2015, cư trú ổn định, hợp pháp trên địa bàn tỉnh, có trong danh sách hộ nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý lập, xác nhận tại thời điểm điều tra xác định hộ được hưởng chính sách mà chưa có đất ở, không có đất sản xuất, chưa được hưởng các chính sách hỗ trợ của Nhà nước về đất ở, có nhu cầu về vốn để tạo việc làm, tăng thu nhập cho gia đình.

**2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Quyết định số 29/2013/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành một số chính sách hỗ trợ giải quyết đất ở và giải quyết việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2013 – 2015.

- Thông tư số 03/2013/TT-UBDT ngày 28/10/2013 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 29/2013/QĐ-TTg ngày 28/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ.



### **3. Thủ tục cho vay vốn để chuộc lại đất sản xuất đã chuyển nhượng, thế chấp đối với đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2013 - 2015**

#### **3.1. Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Trưởng ấp tổ chức họp mời đại diện tất cả các hộ thuộc đối tượng thụ hưởng chính sách của ấp, thông báo về nội dung chính sách và chỉ đạo của xã trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được chỉ đạo của xã.

Hộ có nhu cầu vay vốn làm đơn gửi Trưởng ấp và trình bày rõ việc đã chuyển nhượng, thế chấp trước đây, nguyện vọng tiếp tục có đất để sản xuất, nêu rõ sẽ chuộc lại đất hoặc được bà con thân tộc nhượng bán, số tiền cần vay và cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích. Thời gian nhận đơn là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của trưởng ấp.

Bước 2: Trưởng ấp tiếp nhận đơn, tổng hợp danh sách các hộ có đơn đăng ký, chủ trì tổ chức họp ấp có sự tham gia của cán bộ địa chính xã, các tổ chức chính trị - xã hội ấp. Hộ được xét cho vay vốn phải được trên ½ số người dự họp biểu quyết nhất trí. Trưởng ấp cử người ghi biên bản có ký xác nhận của Trưởng ấp, đại diện các tổ chức chính trị - xã hội ấp; lập tài liệu (gồm biên bản họp kèm theo danh sách và đơn của các hộ được xét cho vay vốn) gửi Ủy ban nhân dân cấp xã. Thời gian hoàn thành: Trong 05 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn nộp đơn đăng ký của các hộ.

Bước 3: Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp hồ sơ của các ấp, phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp tổ chức kiểm tra thực tế và họp bình xét từng trường hợp; lập biên bản họp bình xét và danh sách hộ được thụ hưởng chính sách, có xác nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và đại diện các tổ chức chính trị - xã hội xã; lập 02 bộ tài liệu (gồm văn bản đề nghị, biên bản họp bình xét và danh sách) gửi một bộ cho cơ quan công tác dân tộc cấp huyện và 01 bộ niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã. Thời gian hoàn thành: Trong 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ tài liệu hợp lệ của các ấp.

Bước 4: Cơ quan công tác dân tộc cấp huyện rà soát, tổng hợp hồ sơ của các xã, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định phê duyệt danh sách các hộ được vay vốn. Thời gian hoàn thành: Trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của các xã.

**3.2. Cách thức thực hiện:** Qua bưu điện hoặc trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính.

#### **3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ bao gồm:
  - + Văn bản đề nghị phê duyệt danh sách đối tượng thụ hưởng chính sách;
  - + Bảng tổng hợp danh sách đối tượng thụ hưởng chính sách do cơ quan công tác dân tộc cấp huyện lập.
- Số lượng bộ hồ sơ: 01 (một) bộ.

**3.4. Thời hạn giải quyết:** 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**3.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã.
- Cơ quan phối hợp: Không.

**3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Quyết định phê duyệt danh sách các hộ được vay vốn theo thứ tự ưu tiên.

**3.8. Lệ phí:** Không.

**3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

**3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo (kể cả vợ hoặc chồng là người dân tộc thiểu số), đời sống khó khăn, được xác định theo tiêu chí quy định tại Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011 - 2015, cư trú ổn định, hợp pháp trên địa bàn tỉnh, có trong danh sách hộ nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý lập, xác nhận tại thời điểm điều tra xác định hộ được hưởng chính sách mà chưa có đất ở, không có đất sản xuất, chưa được hưởng các chính sách hỗ trợ của Nhà nước về đất ở, có nhu cầu về vốn để tạo việc làm, tăng thu nhập cho gia đình.

**2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Quyết định số 29/2013/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành một số chính sách hỗ trợ giải quyết đất ở và giải quyết việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2013 - 2015;

- Thông tư số 03/2013/TT-UBDT ngày 28/10/2013 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 29/2013/QĐ-TTg ngày 28/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ.